TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 01 - 2018
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Thọ

Bà Nguyễn Hải Âu

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 488/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Diễm M, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Hồ Văn T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa chị M có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Diễm M trình bày:

Về hôn nhân: Chị với anh Hồ Văn T tự nguyện chung sống với nhau năm 2010, đến năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, do anh T thường hay đánh chị, không lo làm ăn

mà chỉ đi cờ bạc, sự việc được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng anh T vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị nhận thấy giữa chị với anh T không còn tình cảm với nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Văn T.

Về con chung: Chị M xác định vợ chồng có 01 người con tên Hồ Gia B sinh ngày 11/5/2012, hiện cháu B do anh T nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu B cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung , không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ: Chị M xác định vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Hồ Văn T, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng anh T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị M, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hồ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị M với anh T chung sống với nhau năm 2010, hôn nhân tự nguyện, đến ngày 02/3/2015 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Diễm M với anh Hồ Văn T được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị M xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn từ việc anh T không lo làm ăn mà chỉ đi cờ bạc và thường xuyên đánh chị, mặc dù sự việc được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng anh T và chị M vẫn không chung sống với nhau được, hiện tại mỗi người có cuộc sống riêng, không ai còn có trách nhiệm với ai từ năm 2016 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị M xác định không còn tình cảm với anh T và không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh T; đối với anh Hồ Văn T, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị M, nhưng anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị M, điều này cho thấy anh T đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa.

Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M với anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị M cho chị M được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị M xác định vợ chồng có 01 người con tên Hồ Gia B sinh ngày 12/5/2012, hiện do anh T đang nuôi dưỡng, tại phiên tòa chị M xác định từ khi chị M với anh T ly thân cho đến nay cháu B do anh T trực tiếp nuôi dưỡng và trong thời gian qua cháu B phát triển rất tốt nên chị tự nguyện giao cháu B cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; đối với anh T không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu B cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng nuôi con chị M không đặt ra; đối với anh T không ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản: Chị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh T không có ý kiến gì về tài sản, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ: Chị M xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh T không có ý kiến gì về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Diễm M, cho chị Trần Diễm M được ly hôn với anh Hồ Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Hồ Gia B sinh ngày 11/5/2012 cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi. Chị M có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Trần Diễm M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị M đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0009349 ngày 30/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tiêu Hồng Phượng